TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN THẠNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST Ngày: 08-03-2019 V/v "Ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Nguyễn Phương Chi

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Vĩnh Lâm

Bà Nguyễn Ngọc Nhuận

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Võ Minh Trọng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh.

Ngày 08 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Đ, sinh năm: 1971

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm: 1968

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Bà Đ có mặt tại phiên tòa. Ông C vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/6/2018 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Đ trình bày:

Bà và ông C chung sống với nhau từ năm 1988, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 15/09/2006. Bà và ông C chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông C thường xuyên đánh đập, ngược

đãi bà, mặc dù bà có gửi đơn đến Ban quản lý ấp giải quyết nhiều lần nhưng ông C không thay đổi. Bà và ông C đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Bà Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu ly hôn với ông C. Về con chung: trong thời gian chung sống, bà Đ và ông C có 02 người con chung tên Lê Văn K, sinh ngày 10/9/1990 và Lê Thị Thùy N, sinh ngày 15/7/1994, con chung đã thành niên, bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn bà Lê Thị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Lê Văn C. Ông C cư trú tại ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Long An nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn C vắng mặt nhưng Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy báo phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông C vắng mặt lần 02 không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Bà Đ và ông C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T vào ngày 15/9/2006 nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, bà Đ và ông C sống hạnh phúc đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Bà Đ trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do ông C thường xuyên đánh đập, ngược đãi bà. Tại phiên tòa, bà Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông C vắng mặt và cũng không nộp văn bản thể hiện ý kiến. Căn cứ xác nhận của Trưởng ấp T vào ngày 17/12/2018 (xác nhận do bà Đ cung cấp cho Tòa án) thể hiện ông C trước đây ngược đãi bà Đ nhiều lần, đã được đưa ra hòa giải nhiều lần

nhưng không thành. Mặc khác bà Đ và ông C đã ly thân đến nay khoảng 06 năm, nhưng hai bên không thể hàn gắn, đoàn tụ được. Từ những nhận định trên, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng của bà Đ và ông C đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy bà Đ yêu cầu ly hôn với ông C là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: bà Đ và ông C có 02 người con chung tên Lê Văn K, sinh ngày 10/9/1990 và Lê Thị Thùy N, sinh ngày 15/7/1994. Hai con chung đã thành niên, bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: bà Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ;

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Đ được ly hôn với ông Lê Văn C.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà Lê Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Đ đã nộp theo biên lai thu số

0004209 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An sang thành án phí. Bà Đ không phải nộp thêm.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- TAND tỉnh Long An;
- UBND xã N, huyện T;
- Lưu HS, lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Nguyễn Phương Chi